

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2018/HSST

Ngày: 09/ 02 /2018

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - NINH BÌNH

Thành phần HĐXX sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hà Minh Lực.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Tạ Khắc Nghĩa.

- Ông Lưu Danh Sử.

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Văn Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên toà: Ông Trần Văn Long - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 02 năm 2018 tại Trụ Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình tiến hành mở phiên toà xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 01/HSST ngày 10/01/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/QĐXX-HS ngày 25/01/2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: Mai Ngọc L, sinh năm 1988; Tên gọi khác: Không; Nơi sinh: Thôn Đ, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Bình. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Mai Văn C và bà Trần Thị L; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ ngày 03/11/2017 chuyển tạm giam ngày 04/11/2017 hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người tham gia tố tụng khác:

- Bùi Công H, sinh năm 1998. Nơi cư trú: thôn Đ, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Bình.
- Bùi Văn Đ, sinh năm 1998. Nơi cư trú: thôn Đ, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Bình.
- Bùi Văn S, sinh năm 1991. Nơi cư trú: thôn Đ, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Bình.
- Bùi Sỹ D, sinh năm 1989. Nơi cư trú: thôn Đ, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Bình.
- Trần Thị L, sinh năm 1989. Nơi cư trú: thôn Đ, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Những người làm chứng đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 08 giờ ngày 02/11/2017 Mai Ngọc L đi nhờ xe mô tô của người đi đường từ nhà đến thành phố T, tỉnh Ninh Bình để tìm mua Heroine về sử dụng. Khi đi đến khu vực chợ C, thành phố T, tỉnh Ninh Bình thì Mai Ngọc L xuống xe mô tô đi bộ gặp và hỏi một người nam giới (L không biết tên, tuổi, địa chỉ) “*Anh có ma túy không để cho em hai trăm*” Người nam giới trả lời “*Có*”. Mai Ngọc L lấy ra 200.000 đồng đưa cho người nam giới, người nam giới cầm tiền rồi đưa cho L 02 gói Heroine được gói ngoài bằng giấy báo, Mai Ngọc L mở 02 gói ra kiểm tra xác định đúng là Heroine nên bỏ vào túi quần phía trước bên phải rồi tiếp tục đi nhờ xe về nhà. Khoảng 07 giờ ngày 03/11/2017, Mai Ngọc L vẫn để 02 gói heroin trong túi quần đang mặc và đến Ủy ban nhân dân xã Q, huyện N để tiến hành xét nghiệm ma túy làm căn cứ lập hồ sơ quản lý người nghiện theo quy định của pháp luật. Trong khi tổ công tác Công an huyện N tiến hành làm thủ tục xét nghiệm chất ma túy đối với Mai Ngọc L. Do sợ bị phát hiện nên L đã móc 02 gói Heroine trong túi quần định tẩu tán đã bị tổ công tác phát hiện yêu cầu Luân bỏ lên mặt bàn để kiểm tra và lập biên bản thu giữ 02 gói nhỏ gói ngoài bằng giấy báo bên trong đều chứa chất bột dạng cục màu trắng. Mai Ngọc L khai nhận đó là 02 gói Heroine mua về nhằm mục đích sử dụng cho bản thân.

Cân xác định trọng lượng chất bột dạng cục màu trắng chứa trong 02 gói nhỏ được gói ngoài bằng giấy báo thu giữ của Mai Ngọc L: trọng lượng chất bột màu trắng trong gói thứ nhất là 0,12 gam ký hiệu M1, trọng lượng chất bột màu trắng trong gói thứ hai là 0,13 gam ký hiệu M2 gửi trưng cầu giám định về trọng lượng và loại chất ma túy. Tại bản kết luận giám định số 216/KLGD-PC54-MT ngày 04/11/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Ninh Bình kết luận: “*Mẫu chất bột dạng cục màu trắng gửi giám định ký hiệu M1 có khối lượng là 0,1168 gam, M2 có khối lượng là 0,1236 gam, tổng khối lượng M1, M2 là 0,2404 gam (không thấy hai nghìn bốn trăm linh bốn) là ma túy, loại Heroine*”.

Hoàn lại đối tượng giám định gồm: 0,1473 (không thấy một nghìn bốn trăm bảy ba) gam Heroine và toàn bộ vỏ bao gói trong gói niêm phong ban đầu, tất cả được niêm phong trong một phong bì ghi số 216/2017/GĐMT theo quy định của pháp luật.

Tại bản cáo trạng số 02/CT - VKS ngày 09/01/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố bị cáo Mai Ngọc L về tội “**Tàng trữ trái phép chất ma túy**” theo quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo **Mai Ngọc L** - phạm tội “**Tàng trữ trái phép chất ma túy**”.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999; Căn cứ Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/06/2017 của Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam. Khoản 3 Điều 7 và điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Đề nghị xử phạt bị cáo **Mai Ngọc L** từ 15 tháng tù đến 18 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 03/11/2017.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Mai Ngọc L vì hành vi tàng trữ Heroine của bị cáo không nhằm mục đích vụ lợi.

Về xử lý vật chứng đã thu giữ: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Tịch thu tiêu hủy: 0,1473 (không phải một nghìn bốn trăm bảy ba) gam Heroine và toàn bộ vỏ bao gói trong gói niêm phong ban đầu, tất cả được niêm phong trong một phong bì ghi số 216/2017/GĐMT theo quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát đối với bị cáo.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận với lời luận tội của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

1. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Mai Ngọc L không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. **Do đó** các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

2. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với: Nội dung của bản cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố; Lời khai của bị cáo, người làm chứng và vật chứng đã thu giữ trong quá trình điều tra vụ án; Biên bản bản người phạm tội quả tang; **Bản kết luận giám định số 216/KLGD-PC54-MT ngày 04/11/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Ninh Bình và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa đủ chứng cứ xác định:**

Khoảng 7 giờ ngày 03/11/2017, Mai Ngọc L đến trụ sở Ủy ban nhân dân xã Q, huyện N để tiến hành xét nghiệm ma túy làm căn cứ lập hồ sơ quản lý người nghiện theo quy định của pháp luật. Khi tổ công tác Công an huyện N tiến hành làm thủ tục xét nghiệm chất ma túy đối với Mai Ngọc L. Do sợ bị phát hiện nên L đã móc 02 gói Heroine trong túi quần định tẩu tán đã bị tổ công tác phát hiện và lập biên bản thu giữ 02 gói nhỏ gói ngoài bằng giấy báo bên trong đều chứa chất bột dạng cục màu trắng. Mai Ngọc L khai nhận đó là 02 gói Heroine mua về sử dụng. Bị cáo là người đã thực hiện hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Hành vi tàng trữ 0,2404 gam Heroine của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm chế độ độc quyền của Nhà nước về việc quản lý, sử dụng các chất ma túy. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Do vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình. Theo quy định của khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 thì: *Người nào tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm.*

Như vậy hành vi của bị cáo Mai Ngọc L tàng trữ trái phép 0,2404 gam ma túy, loại Heroine của bị cáo nhằm mục đích sử dụng cho bản thân đã xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy được pháp luật bảo vệ. Dù cơ sở pháp lý để khẳng định Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và buộc bị cáo phải chịu chế tài hình sự với mức hình phạt mà Kiểm sát viên đề nghị là phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Xét thấy ma túy là một tệ nạn xã hội là nguyên nhân gây ra rất nhiều tệ nạn và tội phạm khác. Bản thân bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Bị cáo nhận thức rất rõ về tác hại của ma túy nhưng vẫn mua ma túy với mục đích sử dụng. Hành vi tàng trữ ma túy là một trong những chất nằm trong danh mục các chất ma túy mà nhà nước cấm nên phải chịu trách nhiệm về hành vi phạm tội của mình. Vì vậy phải xử lý nghiêm minh bị cáo bằng hình phạt tù có thời hạn, buộc bị cáo phải tiếp tục cách ly ra khỏi đời sống xã hội một thời gian tương xứng với tính chất mức độ phạm tội mà bị cáo đã gây ra để góp phần nâng cao hiệu quả cuộc đấu tranh phòng và chống tội phạm.

Trước khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử đã căn cứ vào quy định của pháp luật hình sự, cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Về nhân thân bị cáo: Bị cáo Mai Ngọc L là người không có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999. Bị cáo được giảm một phần về hình phạt.

Tuy nhiên kể từ ngày **01/01/2018** các quy định có lợi cho người bị buộc tội của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 có hiệu lực thi hành thì hành phạm tội của bị cáo Mai Ngọc L thuộc trường hợp quy định tại **điểm c** khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại **điểm c** khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định:

Điều 249: Tội tàng trữ trái phép chất ma túy.

1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

a.....

c, Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam.

.....

Từ những quy định về mức hình phạt của 02 Bộ luật hình sự năm 1999 và năm 2015, nhận thấy: **Căn cứ Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/06/2017 của Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam** quy định một hình phạt nhẹ hơn so với Bộ luật hình sự năm 1999 nên cần áp dụng khoản 3 Điều 7 và điểm c, khoản 1, điều 249 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 để áp dụng hình phạt có lợi cho bị cáo.

3. Các vấn đề khác. Trong vụ án này, kết quả điều tra không xác định được tên, tuổi, địa chỉ của người nam giới đã bán heroine cho Mai Ngọc L nên không có căn cứ để xử lý, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung với bị cáo vì bị cáo là người nghiện ma túy mua Heroine với mục đích sử dụng.

Về xử lý vật chứng: Căn áp dụng quy định của pháp luật để tịch thu, tiêu hủy 0,1473 (*không phải một nghìn bốn trăm bảy ba*) gam Heroine và toàn bộ vỏ bao gói trong gói niêm phong ban đầu, tất cả được niêm phong trong một phong bì ghi số 216/2017/GĐMT theo quy định của pháp luật và 01 phong bì niêm phong bên trong là vỏ bao gói và phong bì niêm phong cũ.

4. Về án phí HSST: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Mai Ngọc L phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Áp dụng: Khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; Bộ luật hình sự năm 1999; Khoản 1 Điều 249 và khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Căn cứ Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/06/2017 của Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam.

Xử phạt: Mai Ngọc L 15 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 03/11/2017.

2. Xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Tịch thu tiêu hủy 0,1473 (không thấy một nghìn bốn trăm bảy ba) gam Heroine và toàn bộ vỏ bao gói trong gói niêm phong ban đầu, tất cả được niêm phong trong một phong bì ghi số 216/2017/GĐMT theo quy định của pháp luật và 01 phong bì niêm phong bên trong là vỏ bao gói và phong bì niêm phong cũ.

(Chi tiết đặc điểm vật chứng như biên bản giao, nhận vật chứng ngày 11/01/2018 giữa Công an huyện N và Chi cục thi hành án dân sự huyện N.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm:

Áp dụng: Khoản 2 Điều 135 khoản 2 Điều 136 BLTTHS năm 2015. Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Mai Ngọc L phải nộp là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm).

Án xử công khai sơ thẩm bị cáo Mai Ngọc L được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định của điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện N;
- CA huyện N;
- THADS huyện N;
- Những người TGTT;
- Lưu HS./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

HÀ MINH LỰC